TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KHÁNH HOÀ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 24/5/2021
V/v: Tranh chấp tài sản chung sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HOÀ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyết
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Tuấn
Bà Võ Thị Trầm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Vi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa: Bà Trần Thị Kim Liên - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 20 và 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Khánh Hoà xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2021/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp "*Tranh chấp tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn*"

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 74/2020/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 11 năm 2020 của Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2021/QĐ-PT ngày 4 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Diệu Tr**; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Vũ Xuân T**; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Diệu Tr là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diệu Trinh trình bày:*

Trước đây, bà Tr và ông Vũ Xuân T là vợ chồng. Tòa án nhân dân thành phố C hành Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông T và bà tại Quyết định số 57/2018/QĐST-HNGĐ ngày 23/5/2018. Theo đó, về tài sản chung ông bà tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do không thỏa thuận được phân chia tài sản chung nên nay bà Tr yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của ông bà trong thời kỳ hôn nhân là quyền sử dụng

đất thửa đất số 126, tờ bản đồ số 17 tại địa chỉ tổ dân phố T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Vũ Xuân T cùng các tài sản trên đất.

Tại phiên tòa, bà Tr giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chia nhà, đất có tranh chấp và yêu cầu ông T hoàn giá trị phần chái hiên.

** Tại bản tự khai ngày 18/8/2020, bị đơn ông Vũ Xuân T trình bày:*

Nhà đất mà vợ cũ của ông là bà Nguyễn Thị Diệu Tr đang khởi kiện tranh chấp với ông là của cha mẹ ông cho riêng cho ông, không phải là tài sản chung của vợ chồng nên ông không đồng ý chia tài sản theo yêu cầu của nguyên đơn. Tại buổi xem xét thẩm định tài sản có tranh chấp ngày 24/8/2020, ông T xác định phần nhà cấp 4 làm thêm tiếp giáp nhà chính cấp 4 là do vợ chồng ông T bà Tr xây dựng vào khoảng năm 2017 và phần chái hiên là do bà Tr bỏ tiền làm thêm sau khi vợ chồng đã ly hôn nhằm mục đích mở cửa hàng uốn tóc.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu chia tài sản chung là phần nhà cấp 4 do ông T và bà Tr làm thêm, ông Vũ Xuân T có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Tr giá trị vật kiến trúc chái hiên là tài sản riêng của bà Tr sau khi ly hôn và bác yêu cầu của bà Tr về việc yêu cầu chia giá trị lô đất và căn nhà chính cấp 4 do cha me ông T tặng cho ông T. Ông T và bà Tr môi người phải chịu 1/2 chi phí tố tụng.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn lập luận: Toàn bộ tài sản bà Tr yêu cầu Tòa án giải quyết là tài sản chung của bà Tr và ông Vũ Xuân T theo quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình vì các lý do: Thửa đất trên được tạo lập trong trong thời kỳ hôn nhân của ông bà (giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông T vào năm 2011 trong khi ông bà kết hôn vào năm 2009); Đây là việc cấp giấy chứng nhận QSD đất có thu tiền: Bà Tr đã nộp 20 triệu tiền sử dụng đất thì ông T mới được cấp giấy; sau khi có giấy chứng nhận QSD đất thì ông T và bà Tr đã sử dụng lô đất này thế chấp vay vốn ngân hàng để làm ăn; Hôn nhân giữa ông T và bà Tr tồn tại 10 năm, có 03 con chung, bà Tr có công nuôi dưỡng các con, phát triển kinh tế gia đình nên tài sản nêu trên phải là tài sản chung của 02 vợ chồng.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 74/2020/HNGĐ-ST ngày 02/11/2020, Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 18/2020/QĐ_SCQĐST ngày 17/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Điều 59 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; tuyên xử:

1. Bác một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu chia lô đất thuộc thửa đất số: 126, tờ bản đồ số: 17, toạ lạc tại tổ dân phố T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa, diện tích theo giấy chứng nhận QSD đất là 282,5m^2 đã được UBND thành phố Cam Ranh cấp giấy chứng nhận QSD đất số CH00289 ngày

27/01/2011 cho ông Vũ Xuân T trị gia 2.767.000.000 đồng và 01 nhà chính cấp 4 chính, mái lợp tole, nền lát men, tường gạch, cửa sổ, cửa đi bằng gỗ, trần thạch cao, nhà vệ sinh hoàn chỉnh, tường xây diện tích: 105,7m2, tỉ lệ còn lại: 60%; trị giá: 144.748.223 đồng;

2. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn: giao cho ông Vũ Xuân T sở hữu phần nhà cấp 4 làm thêm (tiếp giáp nhà chính cấp 4), mái lợp tole, tường xây, nền xi măng diện tích: 38m^2, tỉ lệ còn lại: 90%; trị giá: 54.603.720 đồng; 01 chai khung trụ xà gồ sắt, mái lợp tole, nền xi măng, diện tích: 90,8m^2, tỉ lệ còn lại: 80%, trị giá: 53.463.040 đồng

Ông Vũ Xuân T phải hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Diệu Tr 80.764.900 đồng giá trị tài sản

3.Về chi phí tố tụng: Ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị Diệu Tr mỗi người phải nộp 1.405.500 đồng chi phí tố tụng. Ông Vũ Xuân T phải hoàn lại cho bà Tr 1.405.500 đồng mà bà Tr đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng. Tổng cộng, ông T phải hoàn lại cho bà Tr 82.170.400 đồng.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Diệu Tr phải nộp 55.676.223 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phần yêu cầu bị bác + 1.365.093 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung nhưng được trừ vào 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0000726 ngày 06/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Như vậy, bà Nguyễn Thị Diệu Tr tiếp tục phải nộp 53.291.316 đồng án phí DSST.

Ông Vũ Xuân T phải nộp 1.365.093 đồng án phí Dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung và 2.673.152 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hoàn lại giá trị tài sản cho bà Tr. Như vậy, tổng cộng ông T phải nộp 4.038.245 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04 tháng 11 năm 2021, bà Nguyễn Thị Diệu Tr có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Diệu Tr thay đổi nội dung kháng cáo, bà Trinh thừa nhận tài sản gồm quyền sử dụng đất có nhà là tài sản do cha mẹ ông T cho riêng ông T trong thời kỳ hôn nhân là tài sản riêng của ông T và đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm về giải quyết chia tài sản chung đối với phần nhà vợ chồng xây dựng. Bà Tr yêu cầu Tòa án xem xét về án phí sơ thẩm. Ông Vũ Xuân T không kháng cáo bản án sơ thẩm đồng ý toàn bộ ý kiến của bà Tr và xin miễn án phí sơ thẩm vì hoàn cảnh khó khăn và nuôi con bị bại não.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thư ký, Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình tiến hành tố tụng và việc thực hiện pháp luật của đương sự tham gia tố tụng giai đoạn phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật. Đồng thời, phát biểu quan điểm đề xuất hướng giải quyết vụ án công nhận sự thỏa

thuận của các đương sự. Về án phí sơ thẩm cần sửa lại bà Tr không phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu bị bác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Tr hợp lệ nên Hội đồng xét xử xem xét về nội dung vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án và nội dung kháng cáo:

[2.1] Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Diệu Tr yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng có trong thời kỳ hôn nhân nhân đối với ông Vũ Xuân T. Tại phiên tòa, hai bên thống nhất tài sản riêng của ông T được cha mẹ ông T cho riêng ông T trong thời kỳ hôn nhân gồm thửa đất số 126, tờ bản đồ số: 17, toạ lạc tại tổ dân phố T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa, diện tích đất 282,5 m2 đã được UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận QSD đất số CH00289 ngày 27/01/2011 cho ông Vũ Xuân T giá trị 2.767.000.000 đồng có 01 căn nhà chính cấp 4 chính, mái lợp tole, nền lát men, tường gạch, cửa sổ, cửa đi bằng gỗ, trần thạch cao, nhà vệ sinh hoàn chỉnh, tường xây diện tích: 105,7m^2, chất lượng còn lại: 60%; trị giá: 144.748.223 đồng.

Bà Tr và ông T thống nhất tài sản chung của vợ chồng xây dựng trong thời kỳ hôn nhân nhà cấp 4 làm thêm (tiếp giáp nhà chính cấp 4 tài sản riêng của ông T) cấu trúc mái lợp tole, tường xây, nền xi măng diện tích: 38m^2, chất lượng còn lại: 90%; trị giá: 54.603.720 đồng còn phần bà Tr làm thêm sau khi ly hôn bằng tiền riêng của bà Tr gồm 01 chái khung trụ xà gồ sắt, mái lợp tole, nền xi măng, diện tích: 90,8m^2, chất lượng còn lại: 80%, trị giá: 53.463.040 đồng giao ông T sở hữu nên ông T phải thanh toán cho bà Tr một nửa giá trị tài sản chung 27.301.860đ và giá trị tài sản bà Tr làm thêm là 53.463.040 đồng, tổng cộng 80.764.900 đồng. Sự thỏa thuận là tự nguyện phù hợp pháp luật nên ghi nhận.

[2.2] Đối với kháng cáo về án phí sơ thẩm: Cấp sơ thẩm tính án phí đối với phần tranh chấp tài sản chung không được chấp nhận là không đúng mà đương sự chỉ phải chịu án phí trên giá trị tài sản được chia nên sửa nội dung về án phí.

[3] Án phí:

- Bà Tr phải chịu án phí sơ thẩm đối với giá trị tài sản được nhận 5% x 27.301.860đ = 1.365.000đ (tính tròn).

- Ông Vũ Xuân T có đơn xin miễn án phí vì hoàn cảnh khó khăn kèm theo đơn được chính quyền địa phương xác nhận, ông T phải nuôi con tàn tật thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội nên chấp nhận miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho ông T.

- Vì sửa bản án sơ thẩm về án phí nên bà Tr không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 28, 29, 33, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 213, 219 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm:

Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị Diệu Tr và ông Vũ Xuân T về việc phân chia tài sản chung sau khi ly hôn như sau:

1. Xác định tài sản riêng của ông Vũ Xuân T là quyền sử dụng đất thửa đất số: 126, tờ bản đồ số: 17, tại tổ dân phố T, phường C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa, diện tích 282,5m^2 đã được UBND thành phố C cấp giấy chứng nhận QSD đất số CH00289 ngày 27/01/2011 cho ông Vũ Xuân T giá trị 2.767.000.000 đồng và 01 nhà chính cấp 4, mái lợp tole, nền lát gạch men, tường gạch, cửa sổ, cửa đi bằng gỗ, trần thạch cao, nhà vệ sinh hoàn chỉnh, tường xây diện tích: 105,7m^2, chất lượng còn lại: 60%; trị giá: 144.748.223 đồng.

Xác định tài sản chung hình thành trong thời kỳ hôn nhân và giao cho ông Vũ Xuân T sở hữu phần nhà cấp 4 làm thêm (tiếp giáp nhà chính cấp 4 tài sản riêng của ông T), mái lợp tole, tường xây, nền xi măng diện tích: 38m^2, chất lượng còn lại: 90%; giá trị: 54.603.720 đồng.

Ông Vũ Xuân T được sở hữu 01 chái khung trụ xà gồ sắt, mái lợp tole, nền xi măng, diện tích: 90,8m^2, chất lượng còn lại: 80%, giá trị: 53.463.040 đồng (xây dựng bằng tiền riêng của bà Tr sau khi ly hôn).

2. Ông Vũ Xuân T phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Diệu Tr 80.764.900 đồng (*Tám mươi triệu bảy trăm sáu bốn ngàn chín trăm đồng)* giá trị tài sản (Trong đó có ½ tài sản chung 27.301.860đ và phần tài sản của Tr 54.603.040đ).

3.Về chi phí tố tụng: Ông Vũ Xuân T và bà Nguyễn Thị Diệu Tr mỗi người phải chịu 1.405.500 đồng chi phí tố tụng. Ông Vũ Xuân T phải thanh toán lại cho bà Tr 1.405.500 đồng mà bà Tr đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng *(Một triệu bốn trăm lẻ năm ngàn năm trăm đồng)*.

4. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Diệu Tr phải chịu dân sự sơ thẩm 1.365.000 đồng về chia tài sản chung nhưng được khấu trừ số tiền 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2019/0000726 ngày 06/7/2020 và 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số AA/2019/0001022 ngày

03/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C. Như vậy, bà Nguyễn Thị Diệu Tr được hoàn lại 2.685.000 đồng *(Hai triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn đồng)*.

- Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho ông Vũ Xuân T.

- Bà Nguyễn Thị Diệu Tr không phải chịu án phúc thẩm.

- *Quyền, nghĩa vụ thi hành án:* Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (24/5/2021).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- *Viện KSND tỉnh Khánh Hòa;*
- *TAND Tp. C;*
- *Chi cục THADS Tp. C;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, án văn, văn phòng.*

Trần Thị Thanh Tuyết